

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khanh.
2. Ông Nguyễn Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Tấn T**, sinh năm 1985 (xin vắng)

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Chị **Phan Kim T1**, sinh năm 1984 (xin vắng)

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề cùng ngày 13/5/2025 của nguyên đơn Phan Tấn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 qua quen biết tìm hiểu nhau một thời gian rồi tiến đến chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo luật định. Thời gian đầu

thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau này thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, mỗi người có cuộc sống riêng và sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là Phan Thị Kim K, sinh ngày 10/11/2002. Hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong biên bản hòa giải ngày 18/8/2025, bị đơn Phan Kim T1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của anh Phan Tấn T về quá trình hình thành hôn nhân cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của anh T thì chị đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh T. Thời gian vợ chồng chung sống có 01 con chung là Phan Thị Kim K, sinh ngày 10/11/2002 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc cho đến hiện nay thì bị đơn cư trú tại Tổ A, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng các đương sự quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán Việt Nam và đến nay không có đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 chung sống với nhau có 01 con chung là Phan Thị Kim K, sinh ngày 10/11/2002. Hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 đều khai không có tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Anh Phan Tấn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Tấn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Con chung là Phan Thị Kim K, sinh ngày 10/11/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 đều khai không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phan Tấn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001219 ngày 31/7/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên anh T không phải nộp thêm.

3. Về thời hạn kháng cáo: Anh Phan Tấn T và chị Phan Kim T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- UBND xã Tân Lược, Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa